

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN QUẢNG TRẠCH
TỈNH QUẢNG BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2018/HS-ST
Ngày: 27-11-2018

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG H XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG TRẠCH, TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Duy Phú và ông Trần Quang Trung

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thùy Linh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Duẩn - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã Quảng Phương, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 39/2018/TLST-HS ngày 09 tháng 11 năm 2018, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 36/2018/QĐXXST-HS ngày 15/11/2018, đối với bị cáo:

Nguyễn Thị H, sinh ngày 10/9/1972; tại xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nơi cư trú: thôn V, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình; nghề nghiệp: Làm ruộng; trình độ văn hóa: lớp 7/12; dân tộc: Kinh; giới tính: nữ; tôn giáo: không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Hữu T (đã chết) và bà Nguyễn Thị Thu L; có chồng: Biền Văn K (đã ly hôn) và có 04 con; tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn tạm giữ, tạm giam từ ngày 03/8/2018 đến nay. Bị cáo bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Quảng Bình. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người bị hại:

Bà Ngô Thị L, sinh năm 1938. Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Có mặt

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại: ông Nguyễn Bá T

-Trợ giúp viên pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Quảng Bình. Có mặt.

- *Những người làm chứng:*

Cháu Phạm Xuân C, sinh năm 2004. Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Phan Xuân Cường: chị Phạm Thị L (là mẹ của cháu Cường). Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Cháu Ngô Quang S, sinh năm 2004. Địa chỉ: thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

Người đại diện theo pháp luật của cháu Ngô Quang S: anh Ngô Văn B (là bố của cháu S). Địa chỉ: thôn Đông D, xã Q, huyện Q, tỉnh Quảng Bình. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 02/8/2018, bà Ngô Thị L đến UBND xã Q để nhận tiền chính sách gia đình liệt sỹ hàng tháng được số tiền 1.420.000 đồng. Sau đó bà L đi bộ về nhà thì gặp Nguyễn Thị H điều khiển xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73E1-028.70 nên bà L vẫy tay xin đi nhờ xe. Trên đường đi, H biết được bà L đi nhận tiền chính sách về nên đã nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của bà nên đã dùng tay trái giật túi xách của bà L làm bà L bị ngã xuống đường, H nổ máy điều khiển xe bỏ chạy, bà L đứng dậy chạy đuổi theo, hô hoán nhưng đuổi không kịp. Nguyễn Thị H kiểm tra túi xách và tài sản vừa cướp giật được của bà Ngô Thị L lấy toàn bộ số tiền 1.420.000 đồng, các giấy tờ và túi xách của bà L, Nguyễn Thị H để một bên mép đường rồi đi xe về nhà. Sau khi cướp giật được số tiền của bà L, Nguyễn Thị H đã dùng số tiền 700.000 đồng đi mừng đám cưới, tiêu xài cá nhân 300.000 đồng, còn lại 420.000 đồng Nguyễn Thị H cất giữ ở nhà, sau đó đã giao nộp cho Cơ quan điều tra.

Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Quá trình điều tra, gia đình Nguyễn Thị H và người bị hại Ngô Thị L đã thỏa thuận, bị cáo bồi thường tiền đã chiếm đoạt, tiền viện phí và tiền bồi thường tổn thất về tinh thần số tiền 3.400.000 đồng. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch đã trả lại cho bà L số tiền 420.000.000 đồng mà bị cáo H cướp giật của bà L. Tổng cộng bà L nhận được số tiền 3.820.000 đồng.

Về vật chứng vụ án: Quá trình điều tra, cơ quan cảnh sát điều tra đã thu giữ và trả lại cho bà Ngô Thị L: 01 một túi xách ni lông; 01 Thẻ bảo hiểm y tế; 02 Sổ lĩnh tiền ưu đãi hàng tháng; 02 Biên nhận thanh toán tiền điện và số tiền 420.000 đồng (Bốn trăm hai mươi nghìn đồng).

Trả lại cho Biên Văn H là người quản lý tài sản hợp pháp của Nguyễn Thị H: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Itel loại it2120 đã qua sử dụng.

Đối với vật chứng là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73E1-028.70, số khung RLCS5C640BY556959, số máy 5C64556966, đây là xe bị cáo H dùng làm phương tiện cướp giật tài sản của bà L. Quá trình điều tra và xác minh của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của anh Tạ Văn Q nhờ em trai là anh Tạ Tấn H mua, có địa chỉ tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi mua xe có biển kiểm soát 81U1- 028.01, số khung 5C640BY556959, số máy 5C64556966 do anh Q bị mất trộm vào khoảng tháng 8 năm 2012.

Tại Cáo trạng số: 40/CT-VKSQT ngày 07 tháng 11 năm 2018, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị Ho về tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Trạch giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo theo toàn bộ nội dung bản cáo trạng, có xem xét đến các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 171; các điểm b, s Khoản 1 Điều 51, Khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự; xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H từ 42 đến 48 tháng tù. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét. Về xử lý vật chứng: Tạm giữ 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73E1- 028.70, số khung RLCS5C640BY556959, số máy 5C64556966 vì đây là vật chứng liên quan trong vụ án Trộm cắp tài sản khác.

Tại phiên tòa người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có ý kiến: Nhất trí nội dung bản cáo trạng đã truy tố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự. Người bị hại là bà Ngô Thị L đã 80 tuổi, là người già yếu, không có khả năng tự vệ nhưng đã bị bị cáo Nguyễn Thị H cướp giật tài sản với số tiền 1.420.000 đồng, đề nghị xét xử nghiêm và có xem xét đến các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo H đã khai báo thành khẩn, có thái độ ăn năn hối cải, đã bồi thường đầy đủ thiệt hại, bị cáo mới phạm tội lần đầu, người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo H đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và nhất trí với tội danh, khung hình phạt, mức hình phạt mà Viện kiểm sát nhân dân huyện Q đã truy tố, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo, người bị hại, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Thị H đã thừa nhận có hành vi dùng tay giật túi xách của bà Ngô Thị L làm bà L ngã xuống đường để chiếm đoạt số tiền 1.420.000 đồng. Hành vi của Nguyễn Thị H là nguy hiểm cho xã hội, thuộc trường hợp phạm tội đối với người già yếu, đã 80 tuổi nên phải bị truy cứu trách nhiệm hình sự về tội “Cướp giật tài sản” theo điểm g khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự.

Xét thấy, lời khai của bị cáo tại phiên tòa và trong quá trình điều tra là hoàn toàn phù hợp, thống nhất với lời khai của người bị hại, người làm chứng và các tài liệu, chứng cứ khác đã thu thập được tại hồ sơ vụ án và vật chứng thu giữ. Do vậy, Hội đồng xét xử đã có đủ căn cứ để kết luận bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản” theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 171 của Bộ luật hình sự.

[3] Xét tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, nhân thân cùng các tình tiết khác có ý nghĩa cho việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây tâm lý hoang mang cho người dân có tài sản đang lưu thông trên đường, gây mất trật tự xã hội tại địa phương. Hành vi phạm tội của bị cáo thể hiện sự liều lĩnh và táo bạo, có thể gây nguy hiểm cho tính mạng của người bị hại là bà L là người đã già yếu, không có khả năng tự vệ. Điều đó đã thể hiện thái độ coi thường pháp luật, bất chấp sức khỏe, tính mạng của người khác. Bị cáo nhận thức được hành vi nhanh chóng giật lấy tài sản rồi tẩu thoát để chiếm đoạt tài sản là vi phạm pháp luật nhưng vì lười lao động, thích hưởng thụ nên đã cố ý thực hiện

hành vi cướp giật tài sản của người bị hại. Vì vậy, cần thiết phải xét xử bị cáo với hình phạt nghiêm, tương xứng với hậu quả, tính chất, mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội mà bị cáo đã gây ra. Xét thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới đủ tác dụng giáo dục và rèn luyện bị cáo trở thành người công dân tốt có ý thức tuân thủ pháp luật.

Xét về tình tiết tăng nặng, bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

Xét về các tình tiết giảm nhẹ, nhân thân bị cáo thấy rằng: Bị cáo trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị cáo mới phạm tội lần đầu, chưa có tiền án, tiền sự; bị cáo đã chủ động bồi thường thiệt hại cho người bị hại, bị cáo có con còn nhỏ, đã ly hôn phải đơn thân nuôi con. Tại phiên tòa, người bị hại đã có ý kiến xin đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Đây là những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51 của Bộ luật hình sự được áp dụng cho bị cáo. Đồng thời áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự để xét xử cho bị cáo được hưởng dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp

[4] Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: Người bị hại đã nhận đầy đủ số tiền 3.400.000 đồng tiền do bị cáo bồi thường và 420.000 đồng do Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch trả lại. Trong quá trình điều tra và đến tại phiên tòa người bị hại không yêu cầu bị cáo phải bồi thường gì thêm, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về xử lý vật chứng: Đối với vật chứng là 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu YAMAHA, loại xe SIRIUS màu sơn đỏ đen, biển kiểm soát 73E1-028.70, số khung RLCS5C640BY556959, số máy 5C64556966, đây là xe bị cáo H dùng làm phương tiện cướp giật tài sản của bà L nhưng trong quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo H không cung cấp, xuất trình cho Tòa án giấy tờ xe hợp lệ chứng minh thuộc quyền sở hữu của bị cáo. Đồng thời đây là phương tiện bị cáo dùng để phạm tội theo quy định của pháp luật phải tịch thu nộp ngân sách nhà nước giá trị chiếc xe này. Tuy nhiên kết quả xác minh của Phòng Cảnh sát giao thông Công an tỉnh Quảng Bình xác định chiếc xe trên thuộc sở hữu của anh Tạ Văn Q nhờ em trai là anh Tạ Tấn H mua, có địa chỉ tại xã I, huyện Đ, tỉnh Gia Lai. Khi mua xe có biển kiểm soát 81U1- 028.01, số khung 5C640BY556959, số máy 5C64556966 do anh Q bị mất trộm vào khoảng tháng 8 năm 2012. Xét thấy vật chứng này liên quan đến một vụ án Trộm cắp tài sản khác nên cần được tạm giữ để phục vụ công tác điều tra, xác minh. Khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

[6] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu tiền án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: điểm g, khoản 2 Điều 171; các điểm b, s khoản 1 Điều 51; khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật hình sự; khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Thị H phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị H 24 (*hai mươi bốn*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam (ngày 03/8/2018).

Tiếp tục tạm giam bị cáo Nguyễn Thị H với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/11/2018) theo Quyết định của Hội đồng xét xử.

2. Về trách nhiệm bồi thường thiệt hại: không xem xét.

3. Về xử lý vật chứng: Tuyên Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch tiếp tục tạm giữ 01 chiếc xe mô tô để phục vụ công tác điều tra, xác minh. Chiếc xe mô tô có đặc điểm được mô tả cụ thể tại Biên bản giao nhận vật chứng giữa cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Quảng Trạch với Chi cục Thi hành án dân sự huyện Quảng Trạch ngày 12/11/2018. Khi nào có kết quả sẽ xử lý sau.

4. Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Thị H phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Bị cáo, người bị hại có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 27/11/2018).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Quảng Bình;
- Công an huyện Quảng Trạch;
- VKSND huyện Quảng Trạch;
- THADS huyện Quảng Trạch;
- Bị cáo; người bị hại;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

Nguyễn Thị Lan Phương

